

NGÂN HÀNG PHÁT
TRIỂN VIỆT NAM
Số: 54/QĐ-HĐQL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2007

QUY CHẾ HỖ TRỢ SAU ĐẦU TƯ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 54/QĐ-HĐQL ngày 19 tháng 10 năm 2007 của
Hội đồng quản lý Ngân hàng Phát triển Việt Nam)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc thực hiện nghiệp vụ hỗ trợ sau đầu tư của Ngân hàng Phát triển Việt Nam.

Hỗ trợ sau đầu tư là việc Ngân hàng Phát triển Việt Nam hỗ trợ một phần lãi suất cho chủ đầu tư có dự án thuộc đối tượng được hỗ trợ sau đầu tư đã vay vốn của tổ chức tín dụng để đầu tư dự án, sau khi dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng và trả được nợ vay.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Đối tượng áp dụng là các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp có thu có dự án đầu tư thuộc đối tượng được hỗ trợ sau đầu tư, Ngân hàng Phát triển Việt Nam (bao gồm Hội sở chính, các Sở giao dịch và Chi nhánh Ngân hàng Phát triển tại các khu vực và tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương) và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguồn vốn hỗ trợ sau đầu tư

Nguồn vốn hỗ trợ sau đầu tư được bố trí trong kế hoạch tín dụng đầu tư phát triển của Nhà nước hàng năm và được ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo dự toán chi đầu tư phát triển.

Ngân hàng Phát triển Việt Nam có trách nhiệm tiếp nhận quản lý và sử dụng nguồn vốn hỗ trợ sau đầu tư đúng mục đích, đúng chế độ quy định và quyết toán với Bộ Tài chính hàng năm.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định hỗ trợ sau đầu tư

Tổng Giám đốc Ngân hàng Phát triển Việt Nam qui định thẩm quyền quyết định hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 5. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. NHPT: là tên viết tắt của Ngân hàng Phát triển Việt Nam
2. Chi nhánh Ngân hàng Phát triển (Chi nhánh NHPT): là từ dùng chung cho Sở Giao dịch, Chi nhánh Ngân hàng Phát triển tại các khu vực và các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
3. Chủ đầu tư: là các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế, đơn vị sự nghiệp có thu có dự án thuộc đối tượng được hỗ trợ sau đầu tư.
4. Hợp đồng tín dụng (HĐTD): là hợp đồng được ký bằng văn bản giữa chủ đầu tư với tổ chức tín dụng để vay vốn đầu tư dự án.
5. Hợp đồng hỗ trợ sau đầu tư (hợp đồng hỗ trợ SĐT): Là hợp đồng được ký bằng văn bản giữa NHPT với chủ đầu tư về việc hỗ trợ SĐT.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Đối tượng được hỗ trợ SĐT

Đối tượng được hỗ trợ SĐT là chủ đầu tư có dự án trong danh mục dự án vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định hiện hành nhưng không vay vốn tín dụng đầu tư của Nhà nước, gồm:

1. Các dự án đầu tư kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội.
2. Các dự án đầu tư phát triển nông nghiệp, nông thôn.
3. Các dự án đầu tư tại: địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn; dự án tại vùng đồng bào dân tộc Khơ me sinh sống tập trung; các xã thuộc

chương trình 135 và các xã vùng biên giới thuộc chương trình 120, các xã vùng bãi ngang.

Điều 7. Điều kiện để được hỗ trợ SĐT

1. Đối với chủ đầu tư:

Là đơn vị trực tiếp vay vốn, sử dụng và quản lý vốn vay để thực hiện đầu tư dự án theo quy định của pháp luật.

2. Đối với dự án:

2.1. Dự án thuộc đối tượng hỗ trợ SĐT, nhưng chủ đầu tư không được NHPT bảo lãnh tín dụng đầu tư và không vay vốn của NHPT mà vay vốn tín dụng thương mại của các tổ chức tín dụng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam để đầu tư.

2.2. Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng, có biên bản nghiệm thu, văn bản phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án và đã trả được nợ vay.

2.3. Được NHPT thẩm định và ký hợp đồng hỗ trợ SĐT.

2.4. Được bố trí kế hoạch hỗ trợ SĐT trong kế hoạch tín dụng đầu tư hàng năm của Nhà nước.

2.5. Quyết toán vốn đầu tư dự án được phê duyệt sau ngày Nghị định số 151/2006/NĐ-CP ngày 20/12/2006 của Chính phủ về tín dụng đầu tư và tín dụng xuất khẩu của Nhà nước có hiệu lực.

3. Các dự án không được hỗ trợ SĐT:

Các dự án đã được các Quỹ đầu tư hoặc ngân sách nhà nước các cấp hỗ trợ đầu tư (cấp vốn ngân sách đầu tư xây dựng, cấp bù một phần lãi suất, giảm, xoá lãi tiền vay...) không được hỗ trợ SĐT.

Điều 8. Mức hỗ trợ SĐT

1. Nguyên tắc xác định mức hỗ trợ SĐT cho một dự án:

1.1. Mức hỗ trợ SĐT được tính cho từng dự án và cấp cho chủ đầu tư.

1.2. Mức hỗ trợ SĐT được tính trên tổng số nợ gốc thực trả theo HĐTD đã ký với tổ chức tín dụng nhưng tối đa không vượt quá 70 % tổng số vốn đầu tư tài sản cố định theo quyết toán vốn đầu tư được duyệt của dự án.

1.3. Chỉ hỗ trợ SĐT đối với số vốn vay chủ đầu tư trả nợ tổ chức tín dụng kể từ ngày có văn bản phê duyệt quyết toán vốn đầu tư dự án của cấp có thẩm quyền.

1.4. Đối với các khoản vay chủ đầu tư trả nợ trước hạn, mức hỗ trợ SĐT được tính theo thời hạn thực vay của khoản vay đó theo HĐTD đã ký.

1.5. Đối với các dự án được khoan nợ thì thời gian khoan nợ không được tính vào thời hạn thực vay để tính hỗ trợ SĐT.

1.6. Thời hạn tính hỗ trợ SĐT tối đa bằng thời hạn vay ghi trong HĐTD đã ký lần đầu. Thời hạn cấp hỗ trợ SĐT được kéo dài 1 quý kể từ khi hết hạn vay ghi trong HĐTD đã ký lần đầu.

1.7. Không hỗ trợ SĐT đối với các khoản trả nợ quá hạn, nợ trả trong thời gian gia hạn nợ.

1.8. Không hỗ trợ SĐT đối với các khoản vốn vay để: trả lãi vay tổ chức tín dụng, trả nợ khoản vay vốn lưu động, nộp thuế VAT, đầu tư các hạng mục hoặc khối lượng công việc không có trong dự án đầu tư được duyệt.

2. Cách xác định mức hỗ trợ SĐT đối với một dự án như sau:

2.1. Mức hỗ trợ SĐT cho cả dự án:

Tổng mức hỗ trợ SĐT cho cả dự án bằng tổng mức hỗ trợ SĐT hàng năm cho dự án; Mức hỗ trợ SĐT hàng năm bằng tổng mức hỗ trợ SĐT cho từng lần trả nợ trong năm của dự án.

2.2. Số tiền hỗ trợ SĐT cho từng kỳ hạn trả nợ:

Mức hỗ trợ sau đầu tư từng lần trả nợ	$= \sum$	Số nợ gốc thực trả từng lần trả nợ	X	Mức chênh lệch lãi suất được tính hỗ trợ SĐT do Bộ Tài chính công bố	X	Thời hạn thực vay (quy đổi theo năm) của số nợ gốc thực trả
--	----------	---	---	--	---	---

- Thời hạn thực vay để tính hỗ trợ SĐT là khoảng thời gian (được quy đổi theo năm) từ ngày, tháng, năm nhận vốn vay đến ngày, tháng, năm nợ gốc trong hạn được trả cho tổ chức tín dụng theo HĐTD đã ký lần đầu.

Nguyên tắc xác định: Việc xác định thời hạn thực vay căn cứ vào thời điểm nhận nợ ghi trên Bảng kê số vốn giải ngân của tổ chức tín dụng và thời điểm trả nợ gốc ghi trên Bảng kê số vốn trả nợ cho tổ chức tín dụng (quy đổi theo năm) đã ký giữa chủ đầu tư và tổ chức tín dụng cho vay vốn. Lấy thời điểm giải ngân số vốn vay lần đầu so với thời điểm trả nợ kỳ đầu tiên của khoản nợ gốc trong hạn để tính số ngày thực vay của số nợ gốc thực trả lần đầu và trên cơ sở đó tính lùi để xác định số ngày thực vay của số nợ gốc trả các lần tiếp theo.

- Việc xác định mức hỗ trợ SĐT đối với các dự án vay vốn bằng ngoại tệ được thực hiện theo nguyên tắc. Tại thời điểm cấp tiền hỗ trợ SĐT, căn cứ vào tỷ giá giao dịch bình quân USD/VND trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng hoặc tỷ giá tính chéo cho các loại ngoại tệ/VND do Ngân hàng Nhà nước Việt nam công bố, để xác định mức hỗ trợ SĐT bằng đồng Việt nam cho dự án.

Điều 9. Hồ sơ đề nghị hỗ trợ SĐT

Để được xem xét hỗ trợ SĐT, chủ đầu tư gửi đến NHPT 01 bộ hồ sơ đề nghị hỗ trợ SĐT (gửi một lần cho đến khi chấm dứt hợp đồng hỗ trợ SĐT) gồm:

1. Giấy đề nghị được hỗ trợ SĐT (bản chính).
2. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (bản chính hoặc bản sao có chứng thực bản sao từ bản chính).
3. Dự án đầu tư (bản chính hoặc bản sao có chứng thực bản sao từ bản chính hoặc có xác nhận sao y bản chính của cơ quan lập dự án).
4. Quyết định đầu tư của người có thẩm quyền theo quy định hiện hành (bản chính hoặc bản sao có chứng thực bản sao từ bản chính).
5. HĐTD, Bảng kê số vốn giải ngân của tổ chức tín dụng (bản chính hoặc bản sao có chứng thực bản sao từ bản chính).
6. Biên bản nghiệm thu công trình hoàn thành đưa vào khai thác, sử dụng (bản chính hoặc bản sao có chứng thực bản sao từ bản chính).